

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn giữa anh H và chị H1

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2020/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020

**1. Nguyên đơn:** Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1977 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã TL, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

**2. Bị đơn:** Chị Cao Thị H1, sinh năm 1980 – *Đề nghị xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã TL, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lê Mạnh H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh và chị Cao Thị H1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TT vào ngày 10 tháng 8 năm 2001. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường nhưng do chị H1 cư xử không đúng mực với gia đình, bất hòa giữa hai bên về vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 10/2019 anh và chị H1 ly thân, anh xác tình

cảm vợ chồng giữa anh và chị H1 không còn nên nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H1.

*Về việc nuôi dưỡng con chung:* Anh và chị H1 có ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003; Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 25/7/2017. Sau khi anh và chị H1 ly thân các con đều ở với chị H1. Từ sau chị H1 đi chấp hành án (ngày 31/7/2020), anh và gia đình đã đón các con về nhà, động viên, chăm sóc, nuôi dưỡng các con, ổn định cuộc sống cho các con. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con nên anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng.

*Về chia tài sản chung, nợ chung:* Anh và chị H1 có tài sản chung là nhà 02 tầng và công trình phụ xây trên đất của bố mẹ anh, ngoài ra còn có các tài sản sinh hoạt khác như bàn ghế, tủ quần áo, máy lạnh, máy giặt, xe máy, laptop, máy in .... Anh còn có một số khoản vay nợ vay của chị gái anh là chị Lê Thị Ng 13.000.000 đồng, nợ vật liệu xây dựng anh Tuấn H 5.600.000 đồng, nợ mẹ anh là bà Nguyễn Thị R 02 chỉ vàng 9999 nhưng để anh và chị H1 tự giải quyết, anh không yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các đơn gửi Tòa án, bị đơn là chị Cao Thị H trình bày:*

Chị và anh H kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 8 năm 2001, nhưng cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh H sống không có trách nhiệm, thường xuyên đánh đập chị và các con nên chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H để giải thoát cho chị. Chị và anh H có ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003; Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 24/7/2017. Do các con đều là nữ, nguyện vọng của các con đều muốn ở với chị nên chị có đề nghị được giao trách nhiệm nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn đề ngày 30/7/2020, chị xác định tại thời điểm này chị đã hết hạn được hoãn thi hành án phạt tù, ngày 31/7/2020 chị phải đi chấp hành án theo bản án số 58/2019/HS-PT ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, chị đã thu xếp ổn định cuộc sống cho ba con, nên chị vẫn đề nghị giao cả ba con cho chị có trách nhiệm nuôi dưỡng; chị có ý kiến yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà 02 tầng làm trên đất có nguồn gốc của bố mẹ anh Hùng, tài sản khác là các vật dụng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh, máy giặt, bình nóng lạnh, xe máy, laptop, giường, tủ, bàn ghế.... Về nợ chung chị xác định đã tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về các khoản nợ khác anh H khai đều là khoản nợ riêng của anh H chị không có trách nhiệm trả nợ. Ngày 30/7/2020 chị có đề

ng nghị rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung. Do chị phải đi chấp hành án phạt tù nên chị đề nghị giải quyết vắng mặt.

*Xác minh tại UBND xã TL :* xác định giữa anh H và chị H1 có mâu thuẫn, thường xảy ra cãi chửi nhau, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định. Anh chị có ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003; Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 25/7/2017. Trường hợp chị H đi chấp hành án phạt tù thì anh H cũng đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H1. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi cả ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003; Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 24/7/2017, chấp nhận việc anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Đình chỉ giải quyết đối với phần phân chia tài sản chung của chị H1. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Trả lại chị H1 tạm ứng án phí đã nộp; anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

#### **[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

##### **[2.1]. Quan hệ hôn nhân:**

Anh H và chị H1 kết hôn hợp pháp. Do vợ chồng tính tình không hợp, điều kiện cuộc sống khó khăn lại thiếu tin tưởng nhau, không có trách nhiệm xây dựng cuộc sống chung làm cho cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc dẫn tới anh H và chị H1 đều có nguyện vọng ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải nhưng anh, chị vẫn không đồng ý đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận anh H và chị H1 thuận tình ly hôn.

[2.2]. *Về con chung*: Anh H và chị H1 có ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003; Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 24/7/2017. Tuy hai cháu lớn đều có nguyện vọng ở với mẹ, cháu H2 còn rất nhỏ nhưng chị H1 phải đi chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi dưỡng các con. Qua xác minh anh H vẫn có đủ các điều kiện nuôi dưỡng các nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định có hiệu lực của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với pháp luật, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện nay của anh, chị. Chấp nhận việc anh H không yêu cầu chị Hòa cấp dưỡng nuôi con. Chị H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*:

[2.3.1] Anh H không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung. Ngày 12/5/2020, tòa án thụ lý yêu cầu phân chia nợ tài sản chung của chị Hòa, tuy nhiên đến ngày 30/7/2020, chị H1 có đơn rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung nên áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phân chia tài sản chung của chị H1. Vấn đề phân chia tài sản chung được đặt ra giải quyết khi anh H, chị H1 có yêu cầu.

[2.3.2] Chị H1 khai không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không yêu cầu giải quyết phân chia nợ chung nhưng có khai về một số khoản nợ như nợ anh Thế H, nợ bà R mẹ đẻ anh, nợ chị Ng là chị gái anh. Chị Ng, bà R đều khai không yêu cầu anh H, chị H1 phải trả nợ trong vụ án này, không đề nghị Tòa án giải quyết; thông tin về khoản nợ và địa chỉ nơi cư trú của anh Thế H anh H không cung cấp mà đề nghị được tự giải quyết vì vậy Tòa án không giải quyết phân chia nợ chung trong vụ án này. Vấn đề phân chia nợ chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

[3]. *Về án phí*: Anh Lê Mạnh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; trả lại chị Cao Thị Hòa tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

#### **1. Về hôn nhân:**

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Mạnh H và chị Cao Thị H1.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho anh Lê Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là Lê Thị Hà M, sinh ngày 05/7/2003, Lê Thị Vân Tr, sinh ngày 05/5/2008 và Lê Thị Gia H2, sinh ngày 24/7/2017 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định có hiệu lực của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chấp nhận việc anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Chị H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung:**

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Cao Thị H1.

- Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:**

- Anh Lê Mạnh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Hùng đã nộp theo biên lai số 0002151 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Anh Lê Mạnh H đã nộp đủ án phí.

- Trả lại cho chị Cao Thị H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.228.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002202 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT

**5. Quyền kháng cáo:**

Anh Lê Mạnh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Cao Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

**6. Quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án.**

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hương Lan**



